

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2021/HNGĐ- ST**

Ngày : 29.9.2021

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Phan Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 89/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979
HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ tạm trú: Thôn 4, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Vũ Thành H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị L có mặt, Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Vũ Thành H quen biết nhau từ năm 1994, tổ chức lễ cưới năm 1995, vợ chồng chung sống với nhau đến ngày 27/01/2021 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường tuy có cãi vã nhau không đáng kể. Đến năm 2014 do làm ăn thất bại, vợ chồng không cùng quan điểm sống, tình cảm, công việc nên dẫn đến thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Anh H chán nản, không lo làm ăn, giao kinh tế gia đình cho chị L một mình xoay xở. Ngoài ra anh H có đánh đập, chửi bới làm ảnh hưởng đến sức

khỏe và tinh thần của chị. Vợ chồng đã tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Ngày 07/7/2021 chị L làm đơn gửi ban thôn nơi mình sinh sống để yêu cầu can thiệp vì anh H thường xuyên đe dọa đến tính mạng của chị, tuy nhiên tình hình dịch bệnh Covid 19 nên chưa được giải quyết. Ngoài ra chị L cho rằng anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên bỏ bê gia đình và đánh đập chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị L yêu cầu giải quyết được ly hôn với Anh H. Lý do vợ chồng đi đăng ký kết hôn là làm thủ tục vay vốn và các thủ tục khác liên quan đến giấy tờ chức thực tế vợ chồng ly thân trước đó và không còn tình cảm.

Về con chung: Chị L trình bày quá trình chung sống chị và Anh H có 04 con chung là Vũ Thị H, sinh năm 1996, Vũ Ngọc D, sinh năm 1997, Vũ Công H, sinh năm 1999 và Vũ Công Đ, sinh ngày 03/3/2003. Nay các con đã trên 18 tuổi và tự lao động nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L trình bày chị và Anh H có tài sản chung nhưng cả hai tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng có nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Lộc An Lâm Đồng II số tiền 300.000.000 đồng và lãi phát sinh. Khi vay vợ chồng có thể chấp tài sản chung, vẫn trả lãi đầy đủ đến nay. Nay hai bên không chia tài sản nên không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Tại lời khai ngày 15/4/2021, bị đơn anh Vũ Thành H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H tìm hiểu quan biết chị L khoảng 02 năm mới tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1994. Đến ngày 27/01/2021 vợ chồng đăng ký kết hôn. Từ năm 1994 đến 2014 vợ chồng sinh sống tại xã L, huyện B sau đó chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến nay. Năm 2020 làm ăn thua lỗ, anh H về lại xã Lộc Đức làm vườn, còn chị L vẫn ở lại thành phố làm ăn. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường. Đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là anh H phát hiện chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở thành phố. Anh H thừa nhận có 02 lần tát chị L là do bức xúc từ việc chị L hỗn láo, xúc phạm chồng và gia đình chồng. Còn chị L trình bày anh đánh đập là không đúng. Anh H còn tình cảm với chị L, yêu cầu tác động để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 04 con chung gồm: Vũ Thị H, sinh năm 1996, Vũ Ngọc D, sinh năm 1997, Vũ Công H, sinh năm 1999 và Vũ Công Đ, sinh ngày 03/3/2003. Nay các con đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H và chị L tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 06/9/2021 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, anh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L, xử cho chị L và Anh H được ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Vũ Thành H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Thành H có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 02 năm mới tiến tới hôn nhân, chung sống tự nguyện từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/01/2021. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng sống bình thường, ổn định, vợ chồng cùng yêu thương nhau, cùng nuôi dạy con cái. Mặc dù cả hai chưa đăng ký kết hôn nhưng cả hai vẫn chung sống bình thường cho đến khi con cái trưởng thành. Tuy nhiên khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến có ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng cả hai người đều thừa nhận phát sinh từ kinh tế, tình cảm, công việc dẫn đến thiếu tôn trọng nhau, xúc phạm nhau, anh H có tát chị L một vài lần. Quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, tháng 7/2021 chị L có gửi đơn đến ban thôn nơi mình sinh sống nhờ can thiệp do anh H đe dọa đến chị nhưng chưa được giải quyết, việc gửi đơn này Tòa án xác minh là có thật nhưng ban thôn không rõ nội dung gì. Đến nay chị L và anh H vẫn không đoàn tụ được với nhau. Tòa án hòa giải nhưng anh H vắng mặt, mặc dù mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị L. Nay chị L vẫn kiên quyết ly hôn, anh H không muốn ly hôn nhưng nếu chị L kiên quyết thì yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Xét vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị L và anh H, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị L nộp cho Tòa án thì hai người có 04 con chung tên là Vũ Thị H, sinh năm 1996, Vũ Ngọc D, sinh năm 1997, Vũ Công H, sinh năm 1999 và Vũ Công Đ, sinh ngày 03/3/2003. Nay các con đã trên 18 tuổi và tự lao động được, cả chị L và Anh H đều không yêu cầu giải quyết về con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Căn cứ lời khai của chị L, Tòa án đã tiến hành xác minh khoản nợ chung của vợ chồng là nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam- Chi nhánh Lộc An Lâm Đồng II số tiền 300 triệu đồng và lãi phát sinh. Ngày 25/8/2021 Ngân hàng có văn bản gửi Tòa án xác nhận vợ chồng chị L, anh H có vay số tiền 300 triệu đồng và lãi phát sinh. Khi vay có thể chấp tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa đất 294, 295-TBĐ 93-1 xã L, huyện B. Nay hợp đồng chưa hết thời hạn, đương sự thực hiện đúng hợp đồng, tài sản thế chấp không chia nên ngân hàng không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án ly hôn. Chị L không yêu cầu giải quyết nợ. Sau này có tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thì sẽ được giải quyết thành 01 vụ án khác khi có đơn khởi kiện. Vì vậy về nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTWQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTWQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Vũ Thành H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Thành H được ly hôn.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên

lai nộp tiền số AA/2017/0004910 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**

